

Số: 34/2018/QĐST - DS

Trà Cú, ngày 07 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 249/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và kể từ ngày có sự đồng ý bằng văn bản của ông Lê Văn D, chị Lê Thị Trúc Ph, anh Lê Trí H và chị Trương Thị H và không có đương sự nào thay đổi ý kiến hay có yêu cầu khác về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

Ông Lê Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Phùng Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Lê Quốc T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Trúc Ph, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Lê Trí H, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chị Trương Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Phùng Thị N và anh Lê Quốc T cùng thống nhất thỏa thuận và có sự đồng ý bằng văn bản của ông Lê Văn D, chị Lê Thị Trúc Ph, anh Lê Trí H và chị Trương Thị H: Bà N, ông D và anh T đồng ý cùng trả cho bà T số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản cho cá tổng cộng 600.000.000đ (bằng chữ: *sáu trăm triệu đồng*)

Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Phùng Thị N với anh Lê Quốc T cùng thống nhất thỏa thuận về thời hạn trả tiền và có sự đồng ý bằng văn bản của ông Lê Văn D, chị Lê Thị Trúc Ph, anh Lê Trí H và chị Trương Thị H, cụ thể:

1/ Trả lần đầu: Tính từ nay đến hết tháng 12 năm 2018, bà N, ông D và anh T đồng ý trả 200.000.000đ (bằng chữ: *hai trăm triệu đồng*).

2/ Trả lần thứ hai: Tính từ tháng 01 năm 2019 đến hết tháng 12 năm 2019, bà N, ông D và anh T đồng ý trả 200.000.000đ (bằng chữ: *hai trăm triệu đồng*).

3/ Trả lần thứ ba: Tính từ tháng 01 năm 2020 đến hết tháng 12 năm 2030, bà N, ông D và anh T đồng ý trả 200.000.000đ (bằng chữ: *hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 14.000.000đ (bằng chữ: *mười bốn triệu đồng*). Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Phùng Thị N với anh Lê Quốc T cùng thống nhất thỏa thuận và có sự đồng ý bằng văn bản của ông Lê Văn D, chị Lê Thị Trúc Ph, anh Lê Trí H và chị Trương Thị H, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện đồng ý chịu toàn bộ 14.000.000đ (bằng chữ: *mười bốn triệu đồng*) và được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 19.113.000đ (bằng chữ: *mười chín triệu, một trăm mười ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0012809 ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Trả lại bà T tiền tạm ứng án phí còn lại 5.113.000đ (bằng chữ: *năm triệu, một trăm mười ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0012809 ngày 17 tháng 11 năm 2017 nêu trên.

Các đương sự còn lại không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành vào khoảng bỏ khoảng cao, không bị khoảng ngờ theo thủ tục pháp thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga